

## 国民健康保険について Về bảo hiểm y tế quốc dân

### ○日本の保険制度について

日本は、安心して医療を受けられるように、すべての人が健康保険に加入することになっています（国民皆保険制度）。健康保険は、みんなが健康保険料を出し合う、助け合いの制度です。

### ○Về chế độ bảo hiểm Nhật bản

Tại Nhật Bản, tất cả mọi người đều phải mua bảo hiểm y tế để có thể yên tâm chăm sóc y tế (chế độ bảo hiểm y tế toàn dân). Bảo hiểm y tế là một chế độ giúp đỡ lẫn nhau, trong đó mọi người đều chia sẻ phí bảo hiểm y tế.

### ○健康保険の種類

健康保険には、職場の健康保険、都道府県と市町村が運営する国民健康保険、75歳以上の人が加入する後期高齢者医療制度などがあります。

### ○ Các loại bảo hiểm y tế

Bảo hiểm y tế bao gồm bảo hiểm y tế tại nơi làm việc, bảo hiểm y tế quốc dân do các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương điều hành, và chế độ y tế dành cho người cao tuổi từ 75 tuổi gọi là chế độ y tế cho người cao tuổi hậu kỳ.

### ○国民健康保険に加入する人

3ヶ月を超えて日本に滞在することが認められた外国籍の人は、次の場合を除き、必ず国民健康保険に加入しなければいけません。

- ・職場の健康保険に加入している人
- ・後期高齢者医療制度に加入している人（75歳以上の人）
- ・生活保護を受けている人
- ・観光・保養目的の在留資格を持つ人
- ・医療滞在ビザで入国した人とその付き添いの人

### ○ Những người tham gia bảo hiểm y tế quốc dân

Công dân nước ngoài được phép lưu trú tại Nhật Bản trên 3 tháng phải tham gia Bảo hiểm sức khỏe quốc gia, trừ các trường hợp sau.

- ・ Những người có bảo hiểm y tế tại nơi làm việc
- ・ Những người đăng ký tham gia chế độ y tế dành cho người cao tuổi hậu kỳ (người từ 75 tuổi)
- ・ Những người đang hưởng phúc lợi
- ・ Người có tư cách lưu trú vì mục đích du lịch / giải trí
- ・ Những người nhập cảnh vào đất nước với thị thực lưu trú y tế và người phục vụ đi cùng

### ○保険証は大切に取扱ってください

加入手続きをしたら、保険証を受け取ります。保険証は、国民健康保険に入っていることを証明するものです。お医者さんにかかるときには、窓口で提示が必要なので、大切に保管してください。

### ○ Vui lòng sử dụng thẻ bảo hiểm y tế của bạn cẩn thận

Sau khi hoàn thành thủ tục tham gia, bạn sẽ nhận được thẻ bảo hiểm của mình. Thẻ bảo hiểm chứng minh rằng bạn có bảo hiểm y tế quốc dân. Khi đi khám bệnh, bạn cần trình bày ngay tại quầy, nên để nơi an toàn.

<保険証取扱いの注意点>

- ・保険証を受け取ったら、名前・生年月日・住所が正しいかを確認してください。  
(勝手に書き直すと無効になります。修正や変更があるときは、市役所窓口へ届け出てください)
- ・有効期限が切れたものや、コピーしたものは使えません。
- ・保険証は1人1枚です。家族や他人と貸し借りはできません(法律により罰せられます)。

<Những lưu ý khi xử lý thẻ bảo hiểm>

・ Khi nhận thẻ bảo hiểm, vui lòng kiểm tra xem họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ đã chính xác chưa.

(Nếu bạn viết lại mà không được phép, nó sẽ không hợp lệ. Nếu có bất kỳ chỉnh sửa hoặc thay đổi nào, vui lòng thông báo cho quầy tiếp dân tòa thị chính thành phố)

- ・ Bạn không thể sử dụng những cái đã hết hạn hoặc sao chép.
- ・ Mỗi người một thẻ bảo hiểm. Bạn không thể cho gia đình hoặc người khác vay hoặc mượn (bạn sẽ bị trừng phạt bởi pháp luật).

○保険証の有効期限について

保険証には、有効期限があります。基本的に、毎年10月31日までが有効期限となりますが、在留期間が到来する人は、在留期間の翌日まで※となります。有効期限より後の保険証は、原則、市役所から簡易書留郵便で送付するため、必ず受け取ってください。

※在留期間の更新が確認できたときは、新しい保険証を郵送します。更新時期により、保険証が手元に届くまで日にちがかかる場合があります。お急ぎのときは、市役所に新しい在留カードを持参すれば、窓口で新しい保険証が受け取れます。

○Về ngày hết hạn của thẻ bảo hiểm

Thẻ bảo hiểm có ngày hết hạn. Về cơ bản, ngày hết hạn là đến ngày 31 tháng 10 hàng năm, nhưng đối với những người đã hết thời hạn lưu trú thì sẽ đến ngày sau thời gian lưu trú\*. Theo nguyên tắc chung, thẻ bảo hiểm sau ngày hết hạn sẽ được gửi bằng thư đảm bảo từ tòa thị chính thành phố, vì vậy hãy nhớ nhận chúng.

※Khi xác nhận gia hạn thời gian lưu trú, thẻ bảo hiểm y tế mới sẽ được gửi qua đường bưu điện. Tùy thuộc vào thời gian gia hạn, có thể mất một khoảng thời gian để thẻ bảo hiểm của bạn đến nơi. Nếu bạn đang vội, hãy mang thẻ cư trú mới đến quầy tiếp dân tòa thị chính thành phố và bạn sẽ nhận được thẻ bảo hiểm y tế mới tại quầy.

○国保の届け出について

次の場合には、市役所に届け出が必要です。原則、届け出には在留カードとパスポートが必要です。

○Thông báo về bảo hiểm y tế quốc dân

Trong những trường hợp sau, bạn cần thông báo cho tòa thị chính. Theo nguyên tắc chung, phải có thẻ cư trú và hộ chiếu để thông báo.

## 国保に加入するとき・やめるとき

国保に加入するときや、やめるときには市役所へ届け出が必要です

(届け出に必要なものなどは裏表紙参照)。世帯主には14日以内の届け出義務があります。

### Khi tham gia hoặc từ bỏ bảo hiểm y tế quốc dân

Bạn cần thông báo cho tòa thị chính khi bạn tham gia hoặc từ bỏ bảo hiểm y tế quốc dân. (Tham khảo bìu sau để biết các mục cần thông báo). Chủ hộ có nghĩa vụ báo cáo trong thời hạn 14 ngày.

#### 国保に加入するとき

- ほかの国や都道府県から転入したとき（職場の健康保険などに加入していない場合）
- 職場の健康保険などをやめたとき（退職日の翌日など）
- 職場の健康保険などの扶養からはずれたとき（扶養抹消日）
- 子どもが生まれたとき
- 生活保護を受けなくなったとき

#### Khi tham gia bảo hiểm y tế quốc dân

- Khi bạn chuyển đến từ một quốc gia hoặc tỉnh khác (nếu bạn không có bảo hiểm y tế tại nơi làm việc)
- Khi bạn ngừng tham gia bảo hiểm y tế (chẳng hạn như ngày sau ngày nghỉ hưu)
- Khi bạn không còn hỗ trợ như bảo hiểm y tế tại nơi làm việc (ngày hủy bỏ phụ thuộc)
- Khi một đứa trẻ được sinh ra
- Khi bạn không còn nhận được chăm sóc sinh hoạt

#### 国保をやめるとき

- ほかの国や都道府県へ転出するとき
- 職場の健康保険などに加入したとき
- 職場の健康保険などの扶養になったとき
- 死亡したとき
- 生活保護を受け始めたとき
- 後期高齢者医療制度の対象となったとき  
(75歳になって対象となる場合は届け出不要)

#### Khi nào thì từ bỏ bảo hiểm y tế quốc dân

- Khi chuyển đến một quốc gia hoặc tỉnh khác
- Khi bạn mua bảo hiểm y tế tại nơi làm việc, v.v.
- Khi bạn trở nên phụ thuộc vào bảo hiểm y tế tại nơi làm việc, v.v.
- Khi bạn chết
- Khi bạn bắt đầu nhận chăm sóc sinh hoạt
- Khi là đối tượng chế độ y tế cho người cao tuổi hậu kỳ  
(Không cần thông báo khi bạn 75 tuổi và đủ điều kiện)

### 届け出が遅れると、思わぬ経済的な負担を被ることがあります

加入の届け出が 14 日以内の期限に遅れると、加入する日から届け出までの医療費が全額自己負担となる場合があります。

国保をやめるとき（やめる日）以降に国保の保険証で医療を受けてしまった場合、国保が負担した医療費はあとで返していただきます

### 修学のために転出するとき

保険証は一人に 1 枚交付されますが、修学のために転出する場合は、国保に届け出をしないと保険証が使えなくなります。また、修学を終えたときも忘れずに届け出てください。

### **Nếu thông báo bị trì hoãn, bạn có thể phải chịu gánh nặng tài chính bất ngờ.**

Nếu thông báo tham gia bị chậm trễ trong vòng 14 ngày, bạn có thể phải chịu mọi chi phí y tế kể từ ngày ghi danh đến khi nhận được thông báo.

Nếu bạn được điều trị y tế bằng thẻ bảo hiểm y tế quốc dân sau thời điểm bạn từ bỏ bảo hiểm y tế quốc dân (ngày bạn từ bỏ), bạn sẽ phải hoàn trả các chi phí y tế mà bảo hiểm y tế quốc gia đã chi trả sau đó.

### **Khi chuyển ra ngoài để học**

Mỗi người sẽ được cấp một thẻ bảo hiểm y tế, nhưng nếu chuyển ra ngoài học thì sẽ không được sử dụng thẻ bảo hiểm y tế trừ khi có thông báo với bảo hiểm y tế quốc dân. Ngoài ra, đừng quên thông báo cho chúng tôi khi bạn đã hoàn thành việc học của mình.

### ○お医者さんにかかるとき

お医者さんにかかるときは、保険証などを提示すれば、医療費の一部を支払うだけで診察や治療などさまざまな給付を受けることができます。

### ○Khi bạn đi khám bệnh

Khi đi khám bệnh, bạn có thể nhận được nhiều quyền lợi khác nhau như khám chữa bệnh bằng cách xuất trình thẻ bảo hiểm, chỉ cần thanh toán một phần chi phí khám chữa bệnh.

### 療養の給付

- 診察 ●治療 ●薬や注射などの処置
- 入院および看護 ※入院時の食事代は別途負担となります。
- 在宅療養（かかりつけ医の訪問診療）および看護
- 訪問看護（医師が必要と認めた場合）

### Quyền lợi điều trị y tế

- Kiểm tra y tế ● Điều trị ● Điều trị như thuốc và tiêm
- Nằm viện và điều dưỡng \* Các bữa ăn tại thời điểm nhập viện sẽ được tính phí riêng.
- Chăm sóc tại nhà (bác sĩ đến gặp điều trị tại nhà) và điều dưỡng
- Điều dưỡng tại nhà (khi bác sĩ cho là cần thiết)

### 医療費の自己負担割合

- 紹介状なしで大病院の外来で受診する場合、 別途負担があります。

義務教育 就学前 2割

義務教育就学後 70歳未満 3割

70歳以上 75歳未満 一般、低所得者Ⅰ・Ⅱ（P14参照） 2割

現役並み所得者（P14参照） 3割

**Tỷ lệ tự trả của chi phí y tế**

● Nếu bạn đến khoa ngoại trú của bệnh viện lớn mà không có giấy giới thiệu, bạn sẽ được tính phí riêng.

Trước khi đi học giáo dục bắt buộc 20%

Sau giáo dục bắt buộc dưới 70 tuổi vào 30%

70 đến 75 tuổi bình thường, người có thu nhập thấp I và II (xem trang 14) 20%

Người có thu nhập bình thường (xem trang 14) 30%

**入院した場合の食事代**

■入院時の食事代の標準負担額 (1食あたり)

所得区分		標準負担額 (1食あたり)
一般 (下記以外の人)		460円※
市民税非課税世帯 低所得者II (P14 参照)	90日までの入院	210円
	過去12か月で90日を 超える入院	160円
低所得者I (P14 参照)		100円

※一部 260円の場合があります。

●市民税非課税世帯と低所得者I・IIの人は、「限度額適用・標準負担額減額認定証」が必要です。国保の窓口申請してください。

**Tiền ăn khi nhập viện**

■Tiền ăn tiêu chuẩn khi nhập viện (mỗi bữa ăn)

.Phân loại thu nhập		Số tiền tự trả tiêu chuẩn (mỗi bữa ăn)
Bình thường(những người khác với những người sau)		460yên※
Hộ gia đình được miễn thuế thành phố Người có thu nhập thấp II (xem trang 14)	Nằm viện đến 90 ngày	210yên
	Nhập viện qua 90 ngày trong 12 tháng	160yên
Người có thu nhập thấp I (xem trang 14)		100yên

※Một số có thể là 260 yên.

● Các hộ gia đình được miễn thuế thành phố và những người có thu nhập thấp I và II cần có “Giấy chứng nhận Áp dụng Giới hạn / Giảm gánh nặng Tiêu chuẩn”.

Vui lòng đăng ký tại cửa sổ bảo hiểm y tế quốc dân.

■65 歳以上の人が療養病床に入院したときの食費・居住費

所得区分	食費 (1 食あたり)	居住費 (1 日あたり)
一般 (下記以外の人)	460 円 (一部医療機関では 420 円)	370 円
市民税非課税世帯 低所得者 II (P14 参照)	210 円	
低所得者 I (P14 参照)	130 円	

●所得や疾病などにより、負担が軽減される場合があります。

■Chi phí ăn uống và sinh hoạt khi một người từ 65 tuổi trở lên được đưa vào nhập viện giường chăm sóc y tế

Phân loại thu nhập	Tiền ăn (mỗi bữa)	Tiền phòng (mỗi ngày)
Bình thường (những người khác với những người sau)	460 yên (420 yên tại một số cơ sở y tế)	370 yên
Hộ gia đình được miễn thuế thành phố Người có thu nhập thấp II (xem trang 14)	210 yên	
Người có thu nhập thấp I (xem trang 14)	130 yên	

●Có thể giảm bớt gánh nặng tùy thuộc vào thu nhập và bệnh tật.

こんなときは要注意

給付が受けられないとき

- 健康診断や人間ドック※
  - 予防注射
  - 美容整形
  - 歯列矯正
  - 正常な妊娠・出産
  - 経済上の理由による人工妊娠中絶
  - 仕事上の病気やけが (労災保険の対象になります) など
- ※別に費用を助成することができます (P18、19 参照)。

**Hãy cẩn thận trong những trường hợp như vậy**

Khi bạn không thể nhận trợ cấp

- Kiểm tra sức khỏe và bền đỗ cho con người kiểm tra sức khỏe tổng thể
- Tiêm phòng
- Phẫu thuật thẩm mỹ
- Chỉnh nha
- Mang thai / sinh con bình thường
- Phá thai vì lý do tài chính
- Bệnh tật hoặc thương tật liên quan đến công việc (được bảo hiểm bồi thường tai nạn cho người lao động), v.v.

※Chi phí có thể được trợ cấp riêng (xem trang 18 và 19).

給付が制限されるとき

- 故意の犯罪行為や故意の事故
- けんかや泥酔による病気やけが
- 医師や保険者の指示に従わなかったとき など

**Khi tiền trợ cấp bị hạn chế**

- 故意活動 phạm tội hoặc cố ý gây tai nạn ● Bệnh tật hoặc thương tích do đánh nhau hoặc say rượu
- Khi bạn không tuân theo hướng dẫn của bác sĩ hoặc người bảo hiểm, v.v.

#### いったん全額自己負担したとき

国保の窓口申請し、審査で認められれば、自己負担分を除いた額があとから払い戻されます。

#### Khi bạn thanh toán toàn bộ số tiền

Nếu bạn đăng ký vào cửa sổ bảo hiểm y tế quốc dân và cuộc khám bệnh chấp thuận, số tiền không bao gồm khoản tự thanh toán sẽ được hoàn trả sau đó.

#### 療養費の支給

1. 医師が治療上必要と認めた、コルセットなどの補装具代がかかったとき
2. 急病などで、やむを得ず保険証を持たずに診療を受けたとき
3. 医師が必要と認めた、手術などで輸血に用いた生血代がかかったとき (療養の給付の対象とならないもの)
4. 一時的な海外渡航中にお医者さんにかかったとき (治療目的の渡航は除く)

※日本国内の基準により審査します。

現地医師等の詳細な証明書 (日本語の翻訳文がついたもの) のほか、申請に必要なものについて渡航前に必ずお問い合わせください。

#### Thanh toán chi phí dưỡng bệnh

1. Khi chi phí phát sinh cho các thiết bị hỗ trợ như áo nịt ngực, mà bác sĩ cho là cần thiết để điều trị,
2. Khi bạn phải đi chữa bệnh mà không có thẻ bảo hiểm y tế do ốm đau đột xuất, v.v.
3. Khi giá máu thô được sử dụng để truyền máu do phẫu thuật, v.v. mà bác sĩ cho là cần thiết (Những người không đủ điều kiện hưởng chế độ khám chữa bệnh)
4. Khi bạn gặp bác sĩ trong một chuyến đi nước ngoài tạm thời (không bao gồm du lịch vì mục đích điều trị)

※ Việc đánh giá sẽ dựa trên các tiêu chuẩn của Nhật Bản.

Hãy nhớ hỏi về giấy chứng nhận chi tiết (kèm theo bản dịch tiếng Nhật) của bác sĩ địa phương, v.v., cũng như các vật dụng cần thiết để nộp đơn trước khi đi du lịch.

#### こんなときも給付が受けられます

##### 出産育児一時金の支給

被保険者が出産したときに支給されます。原則として国保から医療機関に直接支払われます (直接支払制度)。妊娠 12 週 (85 日) 以降であれば、死産や流産でも支給されます。

※直接支払制度を利用せず、出産育児一時金を国保から受け取ることも可能です。この場合は、国保に支給申請をする必要があります。

※ほかの健康保険から出産育児一時金が支給される場合は、国保からは支給されません。

#### Bạn có thể nhận được trợ cấp ngay cả trong những trường hợp như vậy



### **Thanh toán một lần khi sinh con và nuôi con**

Tiền trợ cấp được thanh toán khi người được bảo hiểm sinh con. Theo nguyên tắc chung, bảo hiểm y tế quốc dân thanh toán trực tiếp cho các tổ chức y tế (hệ thống thanh toán trực tiếp). Nếu bạn mang thai từ 12 tuần (85 ngày) trở lên, bạn sẽ được thanh toán cho thai chết lưu hoặc sảy thai.

※Cũng có thể nhận được khoản thanh toán một lần khi sinh con và chăm sóc trẻ em từ bảo hiểm y tế quốc dân mà không cần sử dụng hệ thống thanh toán trực tiếp. Trong trường hợp này, bạn cần đăng ký thanh toán với Bảo hiểm y tế quốc dân.

※Nếu chế độ sinh một lần do bảo hiểm y tế khác cung cấp thì sẽ không do bảo hiểm y tế quốc dân cấp.

### **葬祭費の支給**

被保険者が亡くなったとき、国保への申請（領収書添付）により葬祭を行った人に支給されます。

※ほかの健康保険から葬祭費（埋葬料）が支給される場合は、国保からは支給されません。

### **Thanh toán chi phí tang lễ**

Khi người được bảo hiểm qua đời, khoản tiền này sẽ được chi trả cho người lo tang lễ bằng cách đăng ký tham gia bảo hiểm y tế quốc dân (kèm theo biên lai).

※ Nếu chi phí tang lễ (mai táng phí) do bảo hiểm y tế khác chi trả thì sẽ không được bảo hiểm y tế quốc dân chi trả.

### **移送費の支給**

医師の指示により、緊急その他やむを得ず重病人の入院や転院などの移送に費用がかかったとき、申請して認められた場合に支給されます。

### **Thanh toán chi phí vận chuyển**

Theo hướng dẫn của bác sĩ, sẽ được thanh toán khi không thể tránh khỏi việc chuyển người bệnh nặng nhập viện hoặc chuyển viện, sau đơn được chấp thuận.

### **交通事故にあったとき～傷病届の提出を忘れずに～**

交通事故や第三者の行為によりけがや病気をしたとき、その治療に必要な医療費は相手方が支払う損害賠償金の中から 全額負担するのが原則ですが、届け出により国保で医療を受けることができます。届け出に必要なものは、人身事故の事 故証明書（後日でも可）、保険証、印かんです。なお、第三者 から治療費を受け取ったり、示談を済ませたりすると国保が使えなくなりますので、交通事故などがあつたときは、速やかに国保にご相談ください。

### **Khi bạn bị tai nạn giao thông～Đừng quên nộp báo cáo thương tật / bệnh tật～**

Nếu bạn bị thương hoặc bị ốm do tai nạn giao thông hoặc do hành vi của bên thứ ba, về nguyên tắc, tất cả các chi phí y tế cần thiết để điều trị từ những thiệt hại do bên kia chi trả, nhưng bạn sẽ được điều trị y tế. tại bảo hiểm y tế quốc dân bằng cách thông báo. Tất cả những gì bạn cần khai báo là giấy chứng nhận tai nạn dẫn đến thương tật hoặc tử vong (có thể nộp sau), thẻ bảo hiểm y tế và con dấu. Nếu bạn nhận chi phí y tế từ bên thứ ba hoặc



quyết toán, bạn sẽ không được sử dụng Bảo hiểm y tế quốc dân, vì vậy nếu bạn bị tai nạn giao thông, hãy liên hệ ngay với Bảo hiểm y tế quốc dân.

○医療費が高額になるときは

入院や手術などで医療費が高額になったときは、市民税の課税状況に基づいて定められた自己負担額を超えた分が、高額療養費として支給されます（あらかじめ申し込むことで、窓口での医療費支払いを自己負担額までとする「限度額適用認定証」を発行することもできます。詳しくはご相談ください）。

○Khi chi phí y tế cao

Nếu chi phí y tế trở nên cao do nhập viện hoặc phẫu thuật, số tiền vượt quá số tiền tự thanh toán được quy định dựa trên tình trạng đánh thuế thành phố sẽ được thanh toán như chi phí y tế cao (bằng cách nộp đơn trước, tại quầy cũng có thể phát hành "Giấy chứng nhận giới hạn áp dụng" cho phép bạn thanh toán chi phí y tế bằng chi phí của riêng bạn. Vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm chi tiết.)

○保険料の決め方・納め方

保険料は、みなさんの医療費にあてられる国民健康保険の貴重な財源です。万が一の病気やけがに備え、必ず納期限内に納めてください。保険料を納める義務は、世帯主にあります。

**Cách quyết định và đóng phí bảo hiểm**

Phí bảo hiểm là một nguồn bảo hiểm y tế quốc dân có giá trị cho các chi phí y tế của bạn. Vui lòng đảm bảo thanh toán trong thời hạn giao hàng trong trường hợp bệnh tật hoặc thương tích. Chủ hộ có nghĩa vụ đóng bảo hiểm.

< 保険料の決め方 >

保険料は、年度ごと、世帯ごとに保険料を決定します。毎年、前年の所得などを元に保険料を決定するため、正しい所得の申告をお願いします。収入の著しい減少などで、納付が困難な場合は、条例に基づき保険料が軽減される場合があるため、納期限までに市役所窓口へ相談してください。

< Cách xác định phí bảo hiểm >

Phí bảo hiểm được xác định cho từng năm và từng hộ gia đình. Vì phí bảo hiểm được xác định hàng năm dựa trên thu nhập của năm trước đó, vui lòng khai báo thu nhập chính xác. Nếu việc thanh toán gặp khó khăn do thu nhập giảm đáng kể, v.v., phí bảo hiểm có thể được giảm theo điều lệ, vì vậy hãy tham khảo ý kiến của quầy tiếp dân tòa thị chính thành phố trước ngày đến hạn.

< 保険料の納め方 >

国民健康保険では、6月中旬に年間の保険料を世帯主宛てに通知します。保険料は4月～翌年3月までの保険料を、6月～3月の10回分割で納付します。（年度の途中で加入した人は、加入月に応じた保険料を通知します。）

納付方法は、コンビニエンスストアや銀行で使える納付書払いや、銀行口座からの口座振替などがあります。

### < Cách đóng phí bảo hiểm >

bảo hiểm y tế quốc dân sẽ thông báo cho chủ hộ về mức phí bảo hiểm hàng năm vào giữa tháng Sáu. Phí bảo hiểm từ tháng 4 đến tháng 3 năm sau sẽ đóng 10 đợt từ tháng 6 đến tháng 3. (Những người đăng ký vào giữa năm sẽ được thông báo về phí bảo hiểm theo tháng đăng ký.)

Phương thức thanh toán bao gồm thanh toán bằng phiếu thanh toán có thể được sử dụng tại các cửa hàng tiện lợi và ngân hàng, và ghi nợ trực tiếp từ tài khoản ngân hàng.

### < 保険料を滞納したとき >

#### 保険料の滞納が続くと

保険料を滞納すると、高額療養費の限度額適用認定を受けられない場合があります。さらに、未納期間に応じて次の措置がとられます。

#### 1. 督促

納期限を過ぎると「督促」が行われ、延滞金などが徴収されたり、財産の差押処分を受けたりする場合があります。

それでも滞納が続くと…

### < Khi nộp phí bảo hiểm quá hạn >

#### Nếu nộp phí bảo hiểm tiếp tục quá hạn

Nếu bạn không thanh toán phí bảo hiểm của mình, bạn có thể không được chứng nhận để áp dụng giới hạn chăm sóc y tế chi phí cao. Ngoài ra, các biện pháp sau sẽ được thực hiện tùy thuộc vào thời gian không thanh toán.

#### 1 "Lời nhắc nhở"

Sau ngày đáo hạn, một "lời nhắc nhở" sẽ được đưa ra, và bạn có thể bị thanh toán chậm và bị thu giữ tài sản.

Nếu tình trạng phạm pháp vẫn tiếp tục ...

### < 保険料を滞納したとき >

#### 保険料の滞納が続くと

保険料を滞納すると、高額療養費の限度額適用認定を受けられない場合があります。さらに、未納期間に応じて次の措置がとられます。

#### 2. 督促

納期限を過ぎると「督促」が行われ、延滞金などが徴収されたり、財産の差押処分を受けたりする場合があります。

それでも滞納が続くと…

### < Khi nộp phí bảo hiểm quá hạn >

#### Nếu phí bảo hiểm tiếp tục quá hạn

Nếu bạn không thanh toán phí bảo hiểm của mình, bạn có thể không được chứng nhận để áp dụng giới hạn chăm sóc y tế chi phí cao. Ngoài ra, các biện pháp sau sẽ được thực hiện tùy thuộc vào thời gian không thanh toán.

#### 2 "Lời nhắc nhở"

Sau ngày đáo hạn, một "lời nhắc nhở" sẽ được đưa ra, và bạn có thể bị thanh toán chậm và bị thu giữ tài sản.

## Nếu tình trạng phạm pháp vẫn tiếp tục ...

### 3. 短期被保険者証

通常の保険証の代わりに、有効期間が短い「短期被保険者証」が交付される場合があります。  
納期限から1年が過ぎると...

### 3 Thẻ bảo hiểm ngắn hạn

Thay vì thẻ bảo hiểm y tế thông thường, bạn có thể được cấp thẻ bảo hiểm ngắn hạn với thời hạn hiệu lực ngắn.

Một năm sau thời hạn quá hạn ...

### 4. 資格証明書

保険証の代わりに「資格証明書」が交付されます。医療費はいったん全額自己負担になります。  
納期限から1年6か月が過ぎると...

### 4 Giấy chứng nhận tư cách

"Giấy chứng nhận trình độ" sẽ được cấp thay cho thẻ bảo hiểm y tế của bạn. Tất cả các chi phí y tế sẽ do bạn chịu.

Sau 1 năm 6 tháng kể từ thời hạn quá hạn ...

### 5. 給付差し止め

国保の給付の全部、または一部が差し止めになります。

●上記の措置を受けてもなお滞納が続くと、差し止められた保険給付額から滞納額が差し引かれる場合があります。

また、40歳以上65歳未満の国保加入者がいる世帯では、介護保険の給付が制限される場合があります。

### 5 Tạm dừng trợ cấp

Tất cả hoặc một phần quyền lợi của bảo hiểm y tế quốc dân sẽ bị đình chỉ.

● Nếu việc trả chậm vẫn tiếp tục kể cả sau khi đã áp dụng các biện pháp nêu trên, số tiền trả chậm có thể được khấu trừ vào số tiền quyền lợi bảo hiểm bị đình chỉ.

Ngoài ra, quyền lợi bảo hiểm chăm sóc dài hạn có thể bị hạn chế đối với các hộ gia đình có thành viên bảo hiểm y tế quốc dân tuổi từ 40 đến 65.

●特別な事情により、保険料の納付が困難なときは、申請により分割納付などもできますので、滞納のままにせず、お早めにご相談ください。

●Nếu trường hợp đặc biệt khó thanh toán phí bảo hiểm, bạn có thể trả dần theo đơn, vì vậy vui lòng không để thiếu (không trả) và liên hệ với chúng tôi càng sớm càng tốt.

### 保険料納付は口座振替で

保険料の納付を口座振替にすれば、納め忘れがなくなります。一度手続きをすれば翌年度から自動的に更新されるので便利です。市指定の金融機関で手続きをしてください

(市役所の窓口で キャッシュカードを用いて手続きできる場合がありますので、詳細はお問い合わせください)。

### Thanh toán phí bảo hiểm bằng ghi nợ trực tiếp

Nếu bạn trả phí bảo hiểm bằng ghi nợ trực tiếp, bạn sẽ không quên trả nó. Thật tiện lợi vì khi bạn hoàn thành thủ tục, nó sẽ được tự động gia hạn từ năm tài chính tiếp theo. Vui lòng nộp hồ sơ tại một tổ chức tài chính do thành phố chỉ định (Bạn có thể sử dụng thẻ rút tiền mặt tại quầy tiếp dẫn tòa thị chính thành phố, vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm chi tiết).

新しく国民健康保険に加入された方へ

#### □ 保険証の有効期限は令和3年10月31日です

11月以降の新しい保険証は有効期限までに世帯主宛に郵送します。

※75歳の誕生日以降は、後期高齢者医療制度に移行するため、有効期限が誕生日の前日までとなります。

※外国籍の方の場合、在留期間により有効期限が10月31日とならない場合があります。

### Đối với những người mới tham gia Bảo hiểm y tế quốc dân

#### □ Ngày hết hạn của thẻ bảo hiểm y tế là ngày 31 tháng 10 năm thứ 3 Reiwa.

Thẻ bảo hiểm mới sau tháng 11 sẽ được gửi đến chủ hộ trước ngày hết hạn.

※Vi chế độ sẽ chuyển sang chế độ y tế cho người cao tuổi sau sinh nhật lần thứ 75, ngày hết hạn sẽ đến một ngày trước sinh nhật.

※Đối với công dân nước ngoài, ngày hết hạn có thể không phải là ngày 31 tháng 10 tùy thuộc vào thời gian lưu trú.

#### □ 職場等の他の健康保険に加入した際は脱退の届け出が必要です

他の健康保険に加入した際は、市役所保険医療課へ脱退の届け出が必要です。詳しくはお問い合わせください。

#### □ Nếu bạn mua bảo hiểm y tế khác chẳng hạn như tại nơi làm việc, bạn cần phải báo cáo việc ngừng.

Nếu bạn có bảo hiểm y tế khác, bạn cần thông báo cho bộ phận y tế và bảo hiểm tòa thị chính thành phố về việc rút tiền của bạn. Vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin.

#### □ 保険証に枝番号が記載されます

令和3年10月以降、医療機関等が保険の資格情報を確認できるオンライン資格確認がはじまります。これに伴い、従来保険証に記載のあった記号・番号に加え、個人を識別するための2桁の枝番号の記載が追加されました(令和3年4月発行分から記載)。

※オンライン資格確認についての詳細は総務省HPをご確認ください。

□ Số chi nhánh sẽ được in trên thẻ bảo hiểm của bạn

Từ tháng 4 năm thứ 3 Reiwa, xác nhận tư cách trực tuyến sẽ bắt đầu để các tổ chức y tế có thể xác nhận thông tin đủ điều kiện bảo hiểm. Cùng với đó, ngoài các ký hiệu và số đã được ghi trên thẻ bảo hiểm y tế trước đây, một mã số chi nhánh gồm hai chữ số để xác định một cá nhân đã được thêm vào (bắt đầu từ tháng 4 năm thứ 3 Reiwa).

\* Vui lòng kiểm tra trang web của Bộ Nội vụ và Truyền thông để biết thông tin chi tiết về xác nhận tư cách trực tuyến.

□ 国民健康保険料は、加入月（国民健康保険の資格が発生した月）からかかります

4月以降の保険料納付通知書は6月中旬に送付します。納付回数は6月～翌年3月の10回です。（6月以降に加入した場合は、随時保険料を通知します）

4月	5月	6月	7月	8月	9月	10月	11月	12月	1月	2月	3月
納付はありません		1期	2期	3期	4期	5期	6期	7期	8期	9期	10期
本算定											

□ Phí bảo hiểm y tế quốc dân sẽ được tính từ tháng nhập học (tháng khi đủ điều kiện Bảo hiểm Y tế Quốc gia được cấp).

Thông báo thanh toán phí bảo hiểm sau tháng 4 sẽ được gửi vào giữa tháng 6. Số lần thanh toán là 10 từ tháng 6 đến tháng 3 năm sau. (Nếu bạn tham gia sau tháng 6, bạn sẽ được thông báo về phí bảo hiểm bất cứ lúc nào)

Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
không thanh toán		Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8	Kỳ 9	Kỳ 10
Tính toán chính thức											

□ 納付通知書は世帯主宛に通知します

国民健康保険料の納付義務者は世帯主のため、世帯主は国民健康保険以外の健康保険に加入中の場合でも、世帯員が国民健康保険の加入者であれば、納付通知書は世帯主宛に通知します。

※保険料は加入者分のみで計算します。

□ Thông báo nộp tiền sẽ được gửi đến chủ hộ

Do người có nghĩa vụ đóng bảo hiểm y tế quốc dân là chủ hộ nên kể cả trường hợp chủ hộ tham gia bảo hiểm y tế khác không phải bảo hiểm y tế quốc dân, nếu thành viên hộ gia đình là người tham gia bảo hiểm y tế quốc dân. thông báo nộp tiền sẽ là chủ hộ, mình sẽ thông báo đến địa chỉ.

\* Phí bảo hiểm chỉ được tính cho người tham gia.

□ 保険料が変更となり、後日新しい納付通知書を送付することがあります  
次のような場合に、保険料が変更となり、後日新たに納付通知書を送付することがありますので、送付月以降は新しい納付通知書で納付してください。

- ・ 転入された方など、令和3年1月1日時点で他市区町村に住民票を置いていた場合 (※)
  - ・ 所得の申告や修正をされた場合
  - ・ 年度途中で40歳になり、介護分（介護保険料分）が発生する場合
  - ・ その他、年度途中で加入・脱退等の届出をしたことで、加入人数に変動があった場合など
- ※住民票を置いていた市区町村へ所得を問い合わせた後、所得にかかる保険料を決定します。その結果、保険料が変更となり、後日新たに納付通知書を送付することがあります。

□ Phí bảo hiểm có thể thay đổi và thông báo thanh toán mới có thể được gửi vào một ngày sau đó.

Trong các trường hợp sau, phí bảo hiểm có thể thay đổi và thông báo thanh toán mới có thể được gửi vào một ngày sau đó. Vui lòng thanh toán cùng với thông báo thanh toán mới sau tháng gửi.

- ・ Nếu bạn có thể cư trú tại một đô thị khác kể từ ngày 1 tháng 1 năm thứ 3 của Reiwa, chẳng hạn như những người đã chuyển đến (※)
- ・ Khi thu nhập được công bố hoặc sửa đổi
- ・ Nếu bạn bước sang tuổi 40 vào giữa năm và sẽ bị tính phí chăm sóc (phí bảo hiểm chăm sóc)
- ・ Ngoài ra, nếu có sự thay đổi về số lượng tham gia do thông báo tham gia / từ bỏ vào giữa năm, v.v.

※ Sau khi hỏi về thu nhập từ thành phố nơi đặt thẻ của cư dân, phí bảo hiểm cho thu nhập sẽ được quyết định.

Do đó, phí bảo hiểm có thể thay đổi và thông báo thanh toán mới có thể được gửi vào một ngày sau đó.

□ 納期限内の納付をお願いします

納期限内に保険料の納付がない場合、督促状の発送・滞納処分を行うことがあります。また、法令の定めるところにより督促手数料・延滞金が徴収されますので、必ず納付通知書に記載されている納期限内に納付してください。

□ Vui lòng thanh toán trong thời hạn giao hàng

Nếu phí bảo hiểm không được thanh toán trong thời hạn đến hạn, một thư nhắc nhở có thể được gửi và khoản thanh toán quá hạn có thể được thực hiện. Ngoài ra, các khoản phí trốn hạn và phí quá hạn sẽ được thu theo yêu cầu của pháp luật, vì vậy hãy đảm bảo thanh toán trong ngày đến hạn được nêu trong thông báo thanh toán.

□ 保険料の納付は口座振替が便利です

- ・ 振替日は引き落とし月の月末です。振替日が土・日・祝日等の場合は翌営業日となります。
- ・ 期別納付（毎月引き落とし）と全期前納（6月にまとめて引き落とし）が選べます。
  - ・ 口座振替を希望の場合は、下記をご確認の上、市役所窓口か取扱い金融機関の窓口へお申し込みください。

□ Ghi nợ trực tiếp thuận tiện cho việc thanh toán phí bảo hiểm



- ・ Ngày chuyển tiền là cuối tháng rút tiền. Nếu ngày chuyển là thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày lễ, thì đó sẽ là ngày làm việc tiếp theo.
- ・ Bạn có thể lựa chọn giữa thanh toán theo kỳ (rút tiền hàng tháng) và trả trước toàn bộ thời hạn (rút tất cả vào tháng 6).
- ・ Nếu bạn muốn chuyển tiền, vui lòng kiểm tra những điều sau và đăng ký vào quầy tiếp dân tòa thị chính thành phố hoặc cửa sổ của tổ chức tài chính xử lý.

取扱金融機関の窓口で申込みを行う場合

- ・ 必要なもの：預金通帳、預金通帳の届出印、国民健康保険料の納付通知書、口座振替依頼書（市内の取扱金融機関または市役所窓口にあります）
- ・ 申込期限：期別納付（毎月引き落とし）の場合は開始の前月まで  
全期前納（6月にまとめて引き落とし）の場合は4月末まで

Khi nộp hồ sơ tại quầy của tổ chức tài chính xử lý

- ・ Các vật dụng cần thiết: Sổ tiết kiệm, con dấu đăng ký sổ tiết kiệm, giấy báo đóng phí bảo hiểm y tế quốc dân, Biểu mẫu yêu cầu ghi nợ trực tiếp (đặt tại tổ chức tài chính hoặc quầy tiếp dân tòa thị chính thành phố)
- ・ Hạn nộp hồ sơ: Cho đến trước tháng bắt đầu đối với trường hợp thanh toán theo kỳ (rút tiền hàng tháng)  
Cho đến cuối tháng 4 trong trường hợp thanh toán trước toàn bộ thời hạn (rút tiền vào tháng 6)

市役所窓口にて申込みを行う場合

- ・ 必要なもの：来庁者本人名義のキャッシュカード（暗証番号が必要です）、保険料の納付通知書もしくは国民健康保険被保険者証
- ※口座・キャッシュカードの種類によってはご利用いただけない場合があります

Khi nộp đơn tại quầy tiếp dân tòa thị chính thành phố

- ・ Những vật cần thiết: Thẻ rút tiền đứng tên du khách (yêu cầu mã PIN), Thông báo thanh toán phí bảo hiểm hoặc thẻ của người được bảo hiểm Y tế quốc dân
- \* Nó có thể không có sẵn tùy thuộc vào loại tài khoản / thẻ tiền mặt.

#### 【口座振替取扱金融機関】

三菱 UFJ 銀行、三井住友銀行、りそな銀行、池田泉州銀行、南都銀行、紀陽銀行、徳島大正銀行、大阪シティ信用金庫、成協信用組合、大阪南農業協同組合、ゆうちょ銀行



※市役所窓口受付の場合、徳島大正銀行、成協信用組合はお取り扱いできませんのでご注意ください。



[Các tổ chức tài chính xử lý chuyển tiền]

Ngân hàng Mitsubishi UFJ, Ngân hàng Mitsui Sumitomo,  
Ngân hàng Risona, Ngân hàng Ikeda Senshu, Ngân hàng Nanto,  
Ngân hàng Kiyo, Ngân hàng Tokushima Taisho, Ngân hàng Shinkin  
thành phố Osaka, Liên minh tín dụng Seikyo, Hợp tác xã Nông nghiệp  
Osaka Minami, Ngân hàng Bưu điện Nhật Bản

\* Xin lưu ý rằng Ngân hàng Tokushima Taisho Bank và Liên minh tín dụng Seikyo không thể được thực hiện tại quầy tiếp dân tòa thị chính thành phố.

□ 保険料の軽減・減免について

・倒産、解雇や雇止め等で離職し雇用保険を受給されている方の軽減（非自発的失業軽減）  
離職日時点で65歳未満の場合、保険料の軽減が受けられることがあります。

対象の方は雇用保険受給資格者証に記載の離職理由コードが、「11・12・21・22・23・31・32・33・34」のいずれかに該当する方です。詳しくはお問い合わせ下さい。

□ Về việc giảm / miễn phí bảo hiểm

・ Giảm những người phải nghỉ việc do phá sản, sa thải, đình chỉ việc làm, v.v. và đang nhận bảo hiểm việc làm (giảm tỷ lệ thất nghiệp không tự nguyện)

Nếu bạn dưới 65 tuổi kể từ ngày nghỉ việc, bạn có thể được giảm phí bảo hiểm.

Đối tượng thôi việc là người có mã lý do doanh thu ghi trên giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo hiểm việc làm tương ứng với bất kỳ "11・12・21・22・23・31・32・33・34". Hãy liên hệ với chúng tôi để biết thêm chi tiết.

・河内長野市の減免制度

収入の著しい減少などで納付が困難な方は、条例に基づき保険料が軽減される場合がありますので、納期限までにご相談ください。

・ Chế độ miễn giảm của Thành phố Kawachinagano

Đối với những người gặp khó khăn trong việc chi trả do thu nhập giảm đáng kể, phí bảo hiểm có thể được giảm dựa trên sắc lệnh, vì vậy vui lòng liên hệ với chúng tôi trước ngày đến hạn.

□ 収入がない方や、遺族・障害年金等の非課税の収入のみの方は所得の申告をお願いします

所得の申告がない場合、保険料の計算や高額療養費の自己負担限度額の判定が正しくされない場合があります。市民税窓口にて申告いただくか、市民税申告特設会場（例年 2 月中旬～3 月中旬に市役所市民ホールにて開設）にてご申告をお願いします。

□ Nếu bạn không có thu nhập, hoặc nếu bạn chỉ có thu nhập được miễn thuế, chẳng hạn như lương hưu của người sống sót hoặc người tàn tật, vui lòng khai báo thu nhập của bạn.

Nếu bạn không kê khai thu nhập của mình, việc tính phí bảo hiểm và xác định giới hạn tiền túi cho việc khám chữa bệnh chi phí cao có thể không đúng. Vui lòng nộp tờ khai thuế

của bạn tại quầy thuế thành phố hoặc tại địa điểm đặc biệt Khai thuế thành phố (mở tại hội trường công dân tòa thị chính từ giữa tháng hai đến giữa tháng ba hàng năm).

### 任意継続被保険者制度について

一定の条件のもとでこれまで加入していた社会保険を継続できる制度です。

任意継続被保険者制度に加入する方が、国民健康保険に加入するよりも保険料の計算が有利な場合があります。

詳しくは加入していた健康保険組合や全国健康保険協会各支部等へお問い合わせください。

※ 任意継続の手続き期限は、健康保険が切れてから20日以内です。

※ 任意継続に加入する場合は、国民健康保険に加入する必要はありません。

2重に加入してしまった場合は、必ず市役所保険医療課までご連絡下さい。

### Về hệ thống người được bảo hiểm liên tục tự nguyện

Đó là một hệ thống cho phép bạn tiếp tục bảo hiểm xã hội mà bạn đã tham gia cho đến bây giờ trong một số điều kiện nhất định.

Việc đăng ký tham gia hệ thống bảo hiểm liên tục tự nguyện sẽ có lợi hơn là đăng ký tham gia Bảo hiểm y tế quốc dân.

Nó có thể.

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với hiệp hội bảo hiểm y tế mà bạn là thành viên hoặc các văn phòng chi nhánh của Hiệp hội bảo hiểm y tế Nhật Bản.

※ Thời hạn làm thủ tục tự nguyện gia hạn chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bảo hiểm y tế hết hạn.

※ Bạn không cần phải tham gia bảo hiểm y tế quốc dân nếu bạn muốn gia hạn tự nguyện.

Nếu bạn đã đăng ký kép, vui lòng liên hệ với bộ phận bảo hiểm và y tế của tòa thị chính.

河内長野市役所 保険医療課 ☎ 0721-53-1111 (代表)

0721-55-1435 (FAX)

Bộ phận y tế và bảo hiểm tòa thị chính thành phố Kawachinagano

☎0721-53-1111 (Đại diện)

0721-55-1435 (FAX)